

**BẢNG TỔNG KẾT GIỜ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
NĂM HỌC 2014 - 2015
KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN**

TT	Họ và tên	Tổng KL làm đề tài		Số giờ hoạt động KHCN		Tổng số giờ hoạt động Cả năm	Số giờ chuẩn	Được miễn giảm	Tiêu chuẩn còn lại	Tổng số giờ thừa	Tổng số giờ thiếu	Tổng số tiết thừa	Tổng số tiết thiếu	Ghi chú
		Số tiền	Quy đổi ra giờ	HK 1	HK 2									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Nguyễn Tiến Dương		168	125	39	332	500	0	500	0	168	0.0	52.5	Đề tài NCKH cấp trường đã nghiệm thu "Biên soạn bài tập toán cao cấp 1 dùng cho bậc cao đẳng" (336 giờ/2 người = 168 giờ/ người)
2	Nguyễn Văn Hậu		168	0	3	171	500	0	500	0	329	0.0	102.8	
3	Dương Đức Kiên		167	11	193	371	500	0	500	0	129	0.0	40.3	Đề tài NCKH cấp trường đã nghiệm thu "Biên soạn giáo trình Xác suất thống kê dùng cho bậc cao đẳng" (334 giờ/2 người = 167 giờ/ người)
4	Hà Như Mai		103	115	304.5	522.5	500	0	500	23	0	7.0	0.0	SKKN năm học 2014-2015
5	Phạm Thị Thu Nga		167	2	890.5	1,059.5	500	0	500	560	0	174.8	0.0	Đề tài NCKH cấp trường đã nghiệm thu "Biên soạn giáo trình Xác suất thống kê dùng cho bậc cao đẳng" (334 giờ/2 người = 167 giờ/ người)

TT	Họ và tên		Tổng KL làm đề tài		Số giờ hoạt động KHCN		Tổng số giờ hoạt động Cả năm	Số giờ chuẩn	Được miễn giảm	Tiêu chuẩn còn lại	Tổng số giờ thừa	Tổng số giờ thiếu	Tổng số tiết thừa	Tổng số tiết thiếu	Ghi chú
			Số tiền	Quy đổi ra giờ	HK 1	HK 2									
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
6	Cao Thị	Nga			115	277.5	392.5	500	0	500	0	108	0.0	33.6	
7	Nguyễn Thị Cẩm	Thạch			19	3	22	500	0	500	0	478	0.0	149.4	
8	Nguyễn Thị	Thủy			125	305.5	430.5	500	0	500	0	69.5	0.0	21.7	
9	Nguyễn Văn	Đông			104	99	203	500	0	500	0	297	0.0	92.8	
10	Nguyễn Quỳnh	Giao		103	135	1,166	1,404	600	0	600	804	0	287.1	0.0	Giảng viên chính _SKKN năm học 2014- 2015
11	Cao Đình Trung	Hậu			178	99	277	600	0	600	0	323	0.0	115.4	Giảng viên chính
12	Đặng Thị Kiến	Trúc		103	16	3	122	500	0	500	0	378	0.0	118.1	_SKKN năm học 2014- 2015
13	Nguyễn Thanh	Tú			127	3	130	500	0	500	0	370	0.0	115.6	
14	Trần Thị Ánh	Tuyết		103	11	3	117	500	0	500.0	0	383.0	0.0	119.7	_SKKN năm học 2014- 2015
15	Nguyễn Huỳnh Mai	Hạnh			109	408	517	500	250	250	267	0	95.4	0.0	_Nghỉ hộ sản từ 16/3/2015 đến hết ngày 15/09/2015. Khối lượng NCKH tính giảm 22 tuần
16	Trần Kim Thu	Liễu		103	169	927	1,199	600	0	600	599	0	213.9	0.0	_GV trung học cao cấp _SKKN năm học 2014- 2015
17	Nguyễn Thị Huyền	Nga			117	109	226	500	0	500	0	274	0.0	85.6	
18	Trịnh Khắc	Vũ			112	3	115	500	0	500	0	385	0.0	120.3	
19	Nguyễn Phương	Hà		103	115	291	509	500	0	500	9	0	3.2	0.0	_SKKN năm học 2014- 2015

TT	Họ và tên	Tổng KL làm đề tài		Số giờ hoạt động KHCN		Tổng số giờ hoạt động Cá nhân	Số giờ chuẩn	Được miễn giảm	Tiêu chuẩn còn lại	Tổng số giờ thừa	Tổng số giờ thiếu	Tổng số tiết thừa	Tổng số tiết thiếu	Ghi chú
		Số tiền	Quy đổi ra giờ	HK 1	HK 2									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
20	Nguyễn Thị Thu Hoài			117	1,021	1,138	500	56.8	443.18	695	0	217.1	0.0	_Nghỉ không hưởng lương từ 09/12/2014 đến 09/01/2015. Khối lượng NCKH giảm 5 tuần
21	Đặng Thị Nhật Minh			114	223	337	500	0	500	0	163	0.0	50.9	
22	Trương Thị Minh Hà			16	3	19	500	0	500	0	481	0.0	150.3	
23	Võ Thị Hồng Lan			19	3	22	500	0	500	0	478	0.0	149.4	
24	Võ Thị Ngọc Ngân			112	99	211	500	0	500	1	289	0.3	90.3	
25	Nguyễn Thị Minh Quý			37	622	659	500	0	500	159	0	49.7	0.0	
26	Nguyễn Thị Thu Tâm			19	3	22	500	0	500	0	478	0.0	149.4	
27	Đinh Trần Phương Thảo			115	99	214	500	0	500	0	286	0.0	89.4	
28	Vương Thanh Thủy			16	205	221	500	0	500	0	279	0.0	87.2	
29	Lê Nguyễn Mỹ Trâm			82	3	85	500	0	500	0	415	0.0	129.7	
30	Nguyễn Thị Bảo Trân			18	207	225	500	0	500	0	275	0.0	85.9	
31	Nguyễn Thị Thanh Tú			0	0	0	500	0	500	0	500	0.0	156.3	
32	Trần Bạch Tuyết			19	3	22	500	0	500	0	478	0.0	149.4	
33	Lê Thái Hùng			19	3	22	500	0	500	0	478	0.0	149.4	
34	Giang Phi Hùng			16	3	19	500	125	375	0	356	0.0	111.3	_Đi học tập trung theo QĐ của Sở GDĐT từ ngày 01/6/2015-20/8/2015. Khối lượng NCKH giảm 11 tuần (có Tờ trình xin giảm KL NCKH)



TT	Họ và tên	Tổng KL làm đề tài		Số giờ hoạt động KHCN		Tổng số giờ hoạt động Cá năm	Số giờ chuẩn	Được miễn giảm	Tiêu chuẩn còn lại	Tổng số giờ thừa	Tổng số giờ thiếu	Tổng số tiết thừa	Tổng số tiết thiếu	Ghi chú
		Số tiền	Quy đổi ra giờ	HK 1	HK 2									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
35	Nguyễn Mạnh Phương			8	0	8	500	125	375	0	367	0.0	114.7	Nghỉ không hưởng lương từ 01/06/2015 đến hết 31/8/2015. KL chuẩn giảng dạy. Khối lượng NCKH giảm 11 tuần
36	Nguyễn Phú Tân			16	3	19	500	0	500	0	481	0.0	150.3	
37	Nguyễn Đức Thắng			19	207	226	500	0	500	0	274	0.0	85.6	
	Tổng cộng		1,288	2,467	7,834	11,589	18,800	556.8	18,243	3,116	9,769	1,048.5	3,067.3	



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc

PHÒNG QLKH-HTQT

Nguyễn Ngọc Trang

Ngày..01...tháng..8...năm...2015..

TRƯỞNG KHOA

Trần Kim Thu Liễu